

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN AN BÌNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022
(đã được kiểm toán)



CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN AN BÌNH

Tầng 12, Tòa nhà Geleximco, 36 Hoàng Cầu,
Phường Ô Chợ Dừa, Quận Đống Đa, Hà Nội

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02-03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04- 05
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	06-27
Bảng cân đối kế toán	06-07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	09
Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu	10
Thuyết minh báo cáo tài chính	11-27



CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN AN BÌNH

Tầng 12, Tòa nhà Geleximco, 36 Hoàng Cầu, Phường Ô Chợ Dừa,
Quận Đống Đa, Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán An Bình (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán An Bình (tên viết tắt: ABF) thành lập và hoạt động theo Giấy phép hoạt động quản lý quỹ đầu tư chứng khoán số 12/UBCK-GPHĐQLQ ngày 28/12/2006, Giấy phép điều chỉnh số 15/GPĐC-UBCK ngày 14/02/2023 do Ủy ban chứng khoán Nhà nước cấp và Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 0102130960 thay đổi lần 02 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 21/02/2023.

Trụ sở chính của Công ty tại: Tầng 12, Tòa nhà Geleximco, 36 Hoàng Cầu, Phường Ô Chợ Dừa, Quận Đống Đa, Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Đào Mạnh Vương	Chủ tịch
Ông Lê Việt Hà	Ủy viên
Bà Đặng Thị Hồng Phương	Ủy viên

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Lê Việt Hà	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 01/10/2022
Bà Võ Anh Tú	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Thành Nam	Phó Tổng Giám đốc	

Các thành viên của Ban Kiểm soát trong năm và tại ngày lập báo cáo bao gồm:

Bà Phạm Thị Ngọc Hà	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 10/06/2022
Bà Nguyễn Thị Thanh Huyền	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 10/06/2022
Bà Trịnh Hương Lan	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 10/06/2022

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN AN BÌNH

Tầng 12, Tòa nhà Geleximco, 36 Hoàng Cầu, Phường Ô Chợ Dừa,
Quận Đống Đa, Hà Nội

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với Công ty quản lý quỹ và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty quản lý quỹ và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP của Chính Phủ ngày 31/12/2020 hướng dẫn về quy định chi tiết thi hành một số điều của luật chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Lê Việt Hà
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 20 tháng 03 năm 2023

Số: 200323.012/BCTC.KT2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán An Bình**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán An Bình được lập ngày 20 tháng 03 năm 2023, từ trang 06 đến trang 27, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 và Thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam áp dụng đối với Công ty Quản lý Quỹ và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán An Bình tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với Công ty Quản lý Quỹ và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Cát Thị Hà

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0725-2023-002-1

Hà Nội, ngày 20 tháng 03 năm 2023

Ngô Hoàng Hà

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 3999-2023-002-1

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN AN BÌNH

Tầng 12, Tòa nhà Geleximco, 36 Hoàng Cầu,
Phường Ô Chợ Dừa, Quận Đống Đa, Hà Nội

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		147.457.663.283	86.915.266.009
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	25.952.017.215	5.430.061.446
111	1. Tiền		25.952.017.215	5.430.061.446
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	4	114.236.798.460	77.928.801.257
121	1. Đầu tư ngắn hạn		118.510.445.084	77.928.801.257
129	2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn		(4.273.646.624)	-
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		5.469.327.507	3.364.464.417
131	1. Phải thu khách hàng		205.025.000	-
132	2. Trả trước cho người bán		259.294.493	-
134	3. Phải thu hoạt động nghiệp vụ	5	4.798.071.029	3.016.827.434
135	4. Các khoản phải thu khác	6	831.936.985	830.136.983
139	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	7	(625.000.000)	(482.500.000)
140	IV. Hàng tồn kho		-	39.397.600
	1. Công cụ, dụng cụ		-	39.397.600
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		1.799.520.101	152.541.289
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	8	199.313.943	140.531.289
154	2. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	9	1.600.206.158	-
158	2. Tài sản ngắn hạn khác		-	12.010.000
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		14.457.572.106	66.465.051.420
220	II. Tài sản cố định		440.828.322	439.982.183
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	65.085.019	56.602.183
222	- Nguyên giá		181.851.500	142.251.500
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(116.766.481)	(85.649.317)
227	2. Tài sản cố định vô hình	12	282.460.000	383.380.000
228	- Nguyên giá		549.800.000	549.800.000
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(267.340.000)	(166.420.000)
230	3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	13	93.283.303	-
250	III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	10	13.298.704.000	65.359.153.881
258	1. Đầu tư dài hạn khác		14.110.153.881	65.908.713.881
259	2. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(811.449.881)	(549.560.000)
260	V. Tài sản dài hạn khác		718.039.784	665.915.356
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	14	536.839.784	640.915.356
268	2. Tài sản dài hạn khác		181.200.000	25.000.000
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		161.915.235.389	153.380.317.429

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN AN BÌNH

Tầng 12, Tòa nhà Geleximco, 36 Hoàng Cầu,
Phường Ô Chợ Dừa, Quận Đống Đa, Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		3.489.920.875	4.614.392.751
310	I. Nợ ngắn hạn		3.489.920.875	4.614.392.751
312	1. Phải trả người bán	15	3.721.141	65.289.715
314	2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	16	352.263.191	361.380.498
315	3. Phải trả người lao động		2.364.904.456	3.305.729.656
316	4. Chi phí phải trả	17	225.012.890	247.846.556
319	5. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	18	544.019.197	634.146.326
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	19	158.425.314.514	148.765.924.678
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		120.000.000.000	120.000.000.000
418	2. Quỹ dự phòng tài chính		121.800.000	121.800.000
420	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		38.303.514.514	28.644.124.678
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		161.915.235.389	153.380.317.429

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
004	1. Nợ khó đòi đã xử lý		1.125.185.563	1.125.185.563
030	2. Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác	20	1.160.516	103.267.677
031	- Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác trong nước		1.160.516	103.267.677
040	3. Danh mục đầu tư của nhà đầu tư ủy thác	21	24.225.328.000	90.745.486.153
041	- Nhà đầu tư ủy thác trong nước		24.225.328.000	90.745.486.153
051	4. Các khoản phải trả của nhà đầu tư ủy thác	22	411.096.065	802.138.172

Giang

Uth



Lê Thị Giang
Người lập

Phùng Thị Minh Thu
Kế toán trưởng

Lê Việt Hà
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 20 tháng 03 năm 2023

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN AN BÌNH

Tầng 12, Tòa nhà Geleximco, 36 Hoàng Cầu,
Phường Ô Chợ Dừa, Quận Đống Đa, Hà Nội

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2022

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2022	Năm 2021
			VND	VND
01	1. Doanh thu	23	26.872.008.879	26.306.128.509
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh		26.872.008.879	26.306.128.509
11	4. Chi phí hoạt động kinh doanh, giá vốn hàng bán	24	6.487.113.361	8.445.052.892
20	5. Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh		20.384.895.518	17.861.075.617
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	25	17.315.369.604	12.644.732.310
22	7. Chi phí tài chính	26	10.981.287.020	1.149.521.800
25	8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	27	14.645.671.935	13.641.810.979
30	9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		12.073.306.167	15.714.475.148
50	10. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		12.073.306.167	15.714.475.148
51	11. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	28	2.413.916.331	3.155.948.030
60	12. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<u>9.659.389.836</u>	<u>12.558.527.118</u>
70	13. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	29	805	1.047

Giang

Lê Thị Giang
Người lập

Phùng Thị Minh Thu
Kế toán trưởng



Lê Việt Hà
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 20 tháng 03 năm 2023

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2022

(Theo phương pháp trực tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2022	Năm 2021
			VND	VND
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Tiền thu từ hoạt động nghiệp vụ, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		927.163.740.251	750.621.831.432
02	2. Tiền chi trả cho hoạt động nghiệp vụ và người cung cấp hàng hóa, dịch vụ		(891.156.334.302)	(756.348.089.996)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động		(11.378.996.900)	(7.790.772.600)
05	4. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp		(4.056.563.261)	(2.981.974.089)
07	5. Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh		(3.061.536.953)	(1.713.934.246)
20	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>		<i>17.510.308.835</i>	<i>(18.212.939.499)</i>
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(226.916.596)	(96.200.000)
25	2. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	(2.800.000.000)
26	3. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		1.616.030.000	-
27	3. Tiền thu cổ tức và lợi nhuận được chia		1.622.533.530	1.648.970.908
30	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>		<i>3.011.646.934</i>	<i>(1.247.229.092)</i>
50	<i>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</i>		<i>20.521.955.769</i>	<i>(19.460.168.591)</i>
60	Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm		5.430.061.446	24.890.230.037
70	Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	3	25.952.017.215	5.430.061.446

Giang

Lê Thị Giang
Người lập

Uth

Phùng Thị Minh Thu
Kế toán trưởngLê Việt Hà
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 20 tháng 03 năm 2023

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

Năm 2022

Năm 2022	Thuyết minh	Số đầu năm VND	Tăng trong năm VND	Giảm trong năm VND	Số cuối năm VND
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		120.000.000.000	-	-	120.000.000.000
2. Quỹ dự phòng tài chính		121.800.000	-	-	121.800.000
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		28.644.124.678	9.659.389.836	-	38.303.514.514
CỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU	19	148.765.924.678	9.659.389.836	-	158.425.314.514

Năm 2021	Thuyết minh	Số đầu năm VND	Tăng trong năm VND	Giảm trong năm VND	Số cuối năm VND
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		120.000.000.000	-	-	120.000.000.000
2. Quỹ dự phòng tài chính		121.800.000	-	-	121.800.000
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		16.085.597.560	12.558.527.118	-	28.644.124.678
CỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU	19	136.207.397.560	12.558.527.118	-	148.765.924.678

Giang

Uth

Lê Thị Giang
Người lậpPhùng Thị Minh Thu
Kế toán trưởngLê Việt Hà
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 20 tháng 03 năm 2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2022

1 . THÔNG TIN CHUNG

1.1 . Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán An Bình (tên viết tắt: ABF) thành lập và hoạt động theo Giấy phép hoạt động quản lý quỹ đầu tư chứng khoán số 12/UBCK-GPHĐQLQ ngày 28/12/2006, Giấy phép điều chỉnh số 15/GPĐC-UBCK ngày 14/02/2023 do Ủy ban chứng khoán Nhà nước cấp và Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 0102130960 thay đổi lần 02 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 21/02/2023.

Trụ sở chính của Công ty tại: Tầng 12, Tòa nhà Geleximco, 36 Hoàng Cầu, Phường Ô Chợ Dừa, Quận Đống Đa, Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty là 120.000.000.000 đồng; tương đương 12.000.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là: 18 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là: 21 người).

1.2 . Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của Công ty gồm: Lập và quản lý các quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán; Quản lý danh mục đầu tư chứng khoán; Tư vấn đầu tư chứng khoán, tư vấn tài chính và các tư vấn khác cho khách hàng.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Chế độ kế toán công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 05 tháng 09 năm 2011 của Bộ Tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

2.3 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu hoạt động nghiệp vụ và phải thu khác, đầu tư trái phiếu, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chí phí phát hành cộng các chí phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chí phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chí phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.4 . Áp dụng hướng dẫn mới

Ngày 17 tháng 12 năm 2021, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 114/2021/TT-BTC ("Thông tư 114") bãi bỏ toàn bộ thông tư số 146/2014/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2014 hướng dẫn chế độ tài chính đối với công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ do Bộ tài chính ban hành. Thông tư 114 có hiệu lực từ ngày 01 tháng 02 năm 2022 và áp dụng từ năm tài chính 2022.

Một số thay đổi chủ yếu trong Thông tư 114 có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính của Công ty trong kỳ hoạt động bao gồm:

- Quy định việc trích lập và xử lý các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư, nợ phải thu khó đòi thực hiện theo Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08 tháng 08 năm 2019 ("Thông tư 48") do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có);
- Quy định về việc sử dụng số dư quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ được trích lập theo quy định tại Thông tư số 146/2014/TT-BTC: sử dụng để bổ sung vốn điều lệ hoặc sử dụng theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng thành viên hoặc chủ tịch Công ty theo quy định hiện hành.

Ngày 07 tháng 04 năm 2022, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 24/2022/TT-BTC ("Thông tư 24") sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư 48 hướng dẫn trích lập và xử lý các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư, nợ phải thu khó đòi. Theo đó, Thông tư 24 sửa đổi đối tượng lập dự phòng không bao gồm trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương và Thông tư 24 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 25 tháng 05 năm 2022.

2.5 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN AN BÌNH

Tầng 12, Tòa nhà Geleximco, 36 Hoàng Cầu, Phường
Ô Chợ Dừa, Quận Đống Đa, Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

2.6 . Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

Mức trích lập dự phòng các khoản nợ phải thu khó đòi được xác định theo Thông tư số 48/2019/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 08/08/2019 như sau:

<u>Thời gian quá hạn</u>	<u>Mức trích dự phòng</u>
Từ sáu (06) tháng đến dưới một (01) năm	30%
Từ một (01) năm đến dưới hai (02) năm	50%
Từ hai (02) năm đến dưới ba (03) năm	70%
Từ ba (03) năm trở lên	100%

2.7 . Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Thiết bị quản lý	03-05 năm
- Phần mềm quản lý	03-05 năm

2.8 . Chứng khoán đầu tư

Chứng khoán đầu tư được ghi nhận theo giá gốc. Cổ tức và trái tức nhận được trong kỳ kế toán được ghi nhận giảm giá vốn chứng khoán đối với khoản lãi dồn tích trước ngày mua và ghi nhận tăng doanh thu đầu tư đối với phần lãi kể từ ngày mua.

Công ty áp dụng phương pháp bình quân gia quyền để tính giá vốn chứng khoán bán ra.

2.9 . Dự phòng giảm giá đầu tư

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường hoặc giá trị hợp lý của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

Mức trích lập dự phòng giảm giá đầu tư được thực hiện theo hướng dẫn của Thông tư số 48/2019/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 08 tháng 08 năm 2019 và Thông tư số 24/2022/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 07 tháng 04 năm 2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 48/2019/TT-BTC

2.10 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.11 . Chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

2.12 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

2.13 . Ghi nhận doanh thu

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu về vốn kinh doanh, cổ tức và lợi nhuận được chia

- Thu nhập phát sinh từ tiền lãi của các khoản đầu tư tài chính dài hạn được ghi nhận trên Báo cáo kết quả kinh doanh trên cơ sở dồn tích;
- Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

2.14 . Các khoản thuế

a, Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

b, Thuế suất thuế TNDN hiện hành

Công ty hiện đang áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với toàn bộ hoạt động của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN AN BÌNH

Tầng 12, Tòa nhà Geleximco, 36 Hoàng Cầu, Phường
Ô Chợ Dừa, Quận Đống Đa, Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

2.15 . Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

2.16 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty cần chú ý tới bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.17 . Thông tin bộ phận

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là quản lý danh mục đầu tư, quản lý các quỹ đầu tư và tư vấn, đồng thời chủ yếu diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam nên Công ty không lập Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền mặt tại quỹ	129.267.300	1.765.500
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	25.822.749.915	5.428.295.946
	25.952.017.215	5.430.061.446

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Đầu tư chứng khoán ngắn hạn	118.510.445.084	77.928.801.257
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	(4.273.646.624)	-
	114.236.798.460	77.928.801.257

Danh mục đầu tư và tình hình tăng giảm các khoản đầu tư chứng khoán ngắn hạn được chi tiết trong Phụ lục 01 trang 27 kèm theo.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN AN BÌNH

Tầng 12, Tòa nhà Geleximco, 36 Hoàng Cầu, Phường
Ô Chợ Dừa, Quận Đống Đa, Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

5 . CÁC KHOẢN PHẢI THU HOẠT ĐỘNG NGHIỆP VỤ

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a) Các khoản phải thu hoạt động nghiệp vụ chi tiết theo nội dung		
Phải thu hoạt động quản lý Quỹ Đầu tư chứng khoán	3.761.974.964	1.589.689.262
Phải thu hoạt động quản lý danh mục đầu tư chứng khoán	411.096.065	802.138.172
Phải thu phí hoạt động tư vấn đầu tư chứng khoán	625.000.000	625.000.000
	4.798.071.029	3.016.827.434
b) Phải thu hoạt động nghiệp vụ là các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 33)	3.761.974.964	1.589.689.262

6 . CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Các khoản phải thu khác chi tiết theo nội dung		
Phải thu lãi trái phiếu GELEXIMCOBOND 2018	830.136.985	830.136.983
Phải thu khác	1.800.000	-
	831.936.985	830.136.983

7 . NỢ XẤU

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi				
- Công ty Cổ phần Xi măng Thăng Long	625.000.000	-	625.000.000	142.500.000
	625.000.000	-	625.000.000	142.500.000

8 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Chi phí thuê văn phòng trả trước	122.708.740	67.268.740
Chi phí mua bảo hiểm	73.480.203	73.262.549
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	3.125.000	-
	199.313.943	140.531.289

9 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU NHÀ NƯỚC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	1.600.206.158	-
	1.600.206.158	-

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN AN BÌNH

Tầng 12, Tòa nhà Geleximco, 36 Hoàng Cầu, Phường Ô Chợ Dừa, Quận Đống Đa, Hà Nội

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

10 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TẠI CHÍNH DÀI HẠN

	Số lượng		Giá trị theo sổ kế toán		Tăng so với giá trị trường		Giảm so với giá trị trường		Tổng giá trị theo giá trị trường	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
			VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Chứng khoán Upcom			6.460.153.881	8.258.713.881	-	5.046.484.119	(811.449.881)	(549.560.000)	5.648.704.000	12.755.638.000
- TRT	-	124.900	-	1.798.560.000	-	-	-	(549.560.000)	-	1.249.000.000
- ABB	706.088	523.029	6.460.153.881	6.460.153.881	-	5.046.484.119	(811.449.881)	-	5.648.704.000	11.506.638.000
Chứng khoán chưa niêm yết			7.650.000.000	7.650.000.000	-	-	-	-	7.650.000.000	7.650.000.000
- Công ty Cổ phần Mai Trang	765.000	765.000	7.650.000.000	7.650.000.000	-	-	-	-	7.650.000.000	7.650.000.000
Chứng khoán khác			-	50.000.000.000	-	-	-	-	-	50.000.000.000
- Trái phiếu	-	50	-	50.000.000.000	-	-	-	-	-	50.000.000.000
GELEXIMCOBOND 2018										
			14.110.153.881	65.908.713.881	-	5.046.484.119	(811.449.881)	(549.560.000)	13.298.704.000	70.405.638.000

Ghi chú:

(*) Giá trị thị trường của các chứng khoán Upcom được xác định theo giá đóng cửa tại thời điểm lập báo cáo tài chính. Đối với chứng khoán chưa niêm yết, giá trị thị trường được xác định theo giá đầu tư tại ngày đầu tư các khoản đầu tư này.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN AN BÌNHTầng 12, Tòa nhà Geleximco, 36 Hoàng Cầu, Phường
Ô Chợ Dừa, Quận Đống Đa, Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

11 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Tài sản cố định hữu hình tại ngày 31/12/2022 của Công ty là thiết bị quản lý có nguyên giá 181.851.500 đồng, giá trị hao mòn lũy kế tại thời điểm 31/12/2022 là 116.766.481 đồng, chi phí khấu hao trong năm là 31.117.164 đồng.

12 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Tài sản cố định vô hình tại ngày 31/12/2022 của Công ty là phần mềm có nguyên giá 549.800.000 đồng, giá trị hao mòn lũy kế tại thời điểm 31/12/2022 là 267.340.000 đồng, chi phí khấu hao trong năm là 100.920.000 đồng.

13 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒ DANG

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Chi phí nâng cấp phần mềm giao dịch chứng chỉ quỹ	93.283.303	-
	93.283.303	-

14 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	418.887.511	404.455.862
Chi phí trả trước dài hạn khác	117.952.273	236.459.494
	536.839.784	640.915.356

15 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
a) Phải trả người bán chi tiết theo đối tượng		
Tập đoàn Geleximco - Công ty CP	-	6.237.096
Công ty TNHH Tổng Công ty công nghệ và giải pháp CMC	-	14.441.175
Công ty Cổ phần Y khoa &Thẩm mỹ Thu Cúc	-	12.774.650
Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ UNIVI Việt Nam	-	26.950.000
Các khoản phải trả người bán khác	3.721.141	4.886.794
	3.721.141	65.289.715
b) Phải trả người bán đối với các bên liên quan	-	16.318.182
(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 33)		

16 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	-	9.458.800
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	42.440.772
Thuế Thu nhập cá nhân	352.263.191	309.480.926
	352.263.191	361.380.498

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN AN BÌNH

Tầng 12, Tòa nhà Geleximco, 36 Hoàng Cầu, Phường
Ô Chợ Dừa, Quận Đống Đa, Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

17 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
a) Chi phí phải trả chi tiết theo nội dung		
Chi phí đại lý phân phối chứng chỉ quỹ	72.757.800	247.846.556
Chi phí cấp quyền sử dụng chỉ số phải trả Sở GDCK	90.967.742	-
Chi phí phải trả khác	61.287.348	-
	225.012.890	247.846.556
b) Chi phí phải trả đối với các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 33)	133.601.323	244.546.556

18 . CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢP NGẮN HẠN KHÁC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	181.299.303	145.005.543
Phải trả Ngân hàng giám sát	18.476.228	106.569.924
Phải trả hộ thuế TNCN của các quỹ đầu tư	344.243.666	382.570.859
	544.019.197	634.146.326

19 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Năm 2021				
Số đầu năm	120.000.000.000	121.800.000	16.085.597.560	136.207.397.560
Lãi trong năm	-	-	12.558.527.118	12.558.527.118
Số cuối năm	120.000.000.000	121.800.000	28.644.124.678	148.765.924.678
Năm 2022				
Số đầu năm	120.000.000.000	121.800.000	28.644.124.678	148.765.924.678
Lãi trong năm	-	-	9.659.389.836	9.659.389.836
Số cuối năm	120.000.000.000	121.800.000	38.303.514.514	158.425.314.514

Theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số 1006.01/2022/NQ-ĐHĐCĐ/ABF ngày 10 tháng 06 năm 2022, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2021 với mức chi trả cổ tức bằng tiền 6,8%/ mệnh giá, tương ứng 680 VNĐ/Cổ phần.

Tuy nhiên, theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường số 0612.01/2022/NQ-ĐHĐCĐ/ABF ngày 06 tháng 12 năm 2022 đã phê duyệt nội dung không chi trả cổ tức năm 2021.

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ (%)	Số cuối năm VND	Tỷ lệ (%)	Số đầu năm VND
Ông Chu Văn Mân	49,025%	58.830.000.000	49,025%	58.830.000.000
Ông Đào Mạnh Vương	48,500%	58.200.000.000	48,500%	58.200.000.000
Ông Lê Việt Hà	2,475%	2.970.000.000	2,475%	2.970.000.000
	100%	120.000.000.000	100%	120.000.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN AN BÌNH

Tầng 12, Tòa nhà Geleximco, 36 Hoàng Cầu, Phường
Ô Chợ Dừa, Quận Đống Đa, Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	120.000.000.000	120.000.000.000
- Vốn góp đầu năm	120.000.000.000	120.000.000.000
- Vốn góp cuối năm	120.000.000.000	120.000.000.000

d) Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	12.000.000	12.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	12.000.000	12.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	12.000.000	12.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	12.000.000	12.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	12.000.000	12.000.000
Mệnh giá cổ phiếu đã lưu hành (VND)	10.000	10.000

20 . TIỀN GỬI CỦA NHÀ ĐẦU TƯ ỦY THÁC

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Số dư đầu năm	103.267.677	4.237.955
Số tăng trong năm	43.574.050.840	47.693.310.821
Số giảm trong năm	(43.676.158.001)	(47.594.281.099)
Số dư cuối năm	1.160.516	103.267.677
Chi tiết số dư tại thời điểm:		
	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác trong nước	1.160.516	103.267.677
	1.160.516	103.267.677

21 . DANH MỤC ĐẦU TƯ CỦA NHÀ ĐẦU TƯ ỦY THÁC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Nhà đầu tư ủy thác trong nước	24.225.328.000	90.745.486.153
- Chứng khoán niêm yết	-	41.397.594.153
- Chứng khoán Upcom	24.225.328.000	49.347.892.000
	24.225.328.000	90.745.486.153

22 . CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ CỦA NHÀ ĐẦU TƯ ỦY THÁC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Phí lưu ký phải trả Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	18.476.228	34.394.613
Phí quản lý danh mục phải trả Công ty Quản lý Quỹ	392.619.837	767.743.559
	411.096.065	802.138.172

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN AN BÌNHTầng 12, Tòa nhà Geleximco, 36 Hoàng Cầu, Phường
Ô Chợ Dừa, Quận Đống Đa, Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

23 . DOANH THU

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Doanh thu hoạt động quản lý Quỹ và phí mua lại chứng chỉ Quỹ	26.171.554.330	25.015.465.236
Doanh thu hoạt động quản lý danh mục đầu tư	672.120.007	1.225.735.841
Doanh thu khác	28.334.542	64.927.432
	26.872.008.879	26.306.128.509
Trong đó: Doanh thu đối với các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 33)	23.512.580.391	22.848.710.267

24 . CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH, GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Chi phí hoạt động quản lý quỹ ĐTCK	4.757.179.758	8.364.778.986
Chi phí hoạt động quản lý danh mục đầu tư	45.619.092	80.273.906
Chi phí hoạt động nghiệp vụ khác	1.684.314.511	-
	6.487.113.361	8.445.052.892

25 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi đầu tư tài chính	8.695.895.265	2.564.834.664
Lãi bán chứng khoán và thanh lý các khoản đầu tư	8.519.474.339	10.079.897.646
Cổ tức, lợi nhuận được chia	100.000.000	-
	17.315.369.604	12.644.732.310

26 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Lỗ bán chứng khoán và thanh lý các khoản đầu tư	6.174.736.075	811.543.772
Trích lập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	4.535.536.505	-
Chi phí tài chính khác	271.014.440	337.978.028
	10.981.287.020	1.149.521.800

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN AN BÌNHTầng 12, Tòa nhà Geleximco, 36 Hoàng Cầu, Phường
Ô Chợ Dừa, Quận Đống Đa, Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

27 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Chi phí nhân viên quản lý	11.021.711.981	10.775.732.536
Chi phí vật liệu, công cụ dụng cụ	212.732.607	126.702.145
Chi phí khấu hao tài sản cố định	132.037.164	121.748.286
Thuế, phí và lệ phí	6.523.824	8.387.635
Chi phí dự phòng	142.500.000	482.500.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.667.718.285	1.370.795.386
Chi phí khác bằng tiền	1.462.448.074	755.944.991
	14.645.671.935	13.641.810.979

28 . THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	12.073.306.167	15.714.475.148
Các khoản điều chỉnh tăng	96.275.486	65.265.000
- Chi phí không hợp lệ	96.275.486	65.265.000
Các khoản điều chỉnh giảm	(100.000.000)	-
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	(100.000.000)	-
Tổng thu nhập tính thuế	12.069.581.653	15.779.740.148
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (thuế suất 20%)	2.413.916.331	3.155.948.030
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu năm	42.440.772	(131.533.169)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong năm	(4.056.563.261)	(2.981.974.089)
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cuối năm	(1.600.206.158)	42.440.772

29 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Tổng lợi nhuận sau thuế	9.659.389.836	12.558.527.118
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	9.659.389.836	12.558.527.118
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	12.000.000	12.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	805	1.047

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi trên Lợi nhuận sau thuế tại các thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty không có các cổ phiếu có tiềm năng suy giảm lãi trên cổ phiếu.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN AN BÌNHTầng 12, Tòa nhà Geleximco, 36 Hoàng Cầu, Phường
Ô Chợ Dừa, Quận Đống Đa, Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

30 . BÁO CÁO VỀ HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ QUỸ VÀ DANH MỤC ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN**Danh mục đầu tư chứng khoán Công ty đang thực hiện quản lý:**

Tính đến ngày 31/12/2022, Công ty đang thực hiện Hợp đồng quản lý danh mục đầu tư cho một nhà đầu tư với tổng số vốn ủy thác mà nhà đầu tư ủy thác là 36,96 tỷ đồng và tổng số vốn thực tế của hợp đồng này hiện Công ty đang quản lý là 24,23 tỷ đồng.

Hoạt động quản lý Quỹ đầu tư chứng khoán

Tổng số Quỹ đầu tư chứng khoán Công ty đang thực hiện quản lý: 02

Quỹ đầu tư Năng lượng và Hạ tầng An Bình (ABEIF): Tại ngày 31/12/2022, số lượng chứng chỉ quỹ ABEIF đang lưu hành là 363.090.000 tương ứng với tổng giá trị tài sản ròng là 3.666.343.099.757 đồng. Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị chứng chỉ quỹ tại 31/12/2022 là 10.098 đồng.

Quỹ Đầu tư Trái phiếu An Bình (ABBF): Tại ngày 31/12/2022, số lượng chứng chỉ quỹ ABBF đang lưu hành là 27.572.192,79 tương ứng với tổng giá trị tài sản ròng là 318.194.254.058 đồng. Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị chứng chỉ quỹ tại 31/12/2022 là 11.540,40 đồng.

31 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**Quản lý rủi ro tài chính**

Các loại rủi ro tài chính của Công ty có thể gặp phải bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá.

Rủi ro về giá:

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu, trái phiếu, chứng chỉ quỹ (chứng khoán) ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu, trái phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu, trái phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Số cuối năm				
Đầu tư ngắn hạn	118.510.445.084	-	-	118.510.445.084
Đầu tư dài hạn	-	5.648.704.000	-	5.648.704.000
	<u>118.510.445.084</u>	<u>5.648.704.000</u>	<u>-</u>	<u>124.159.149.084</u>
Số đầu năm				
Đầu tư ngắn hạn	77.928.801.257	-	-	77.928.801.257
Đầu tư dài hạn	-	7.709.153.881	-	7.709.153.881
	<u>77.928.801.257</u>	<u>7.709.153.881</u>	<u>-</u>	<u>85.637.955.138</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN AN BÌNH

Tầng 12, Tòa nhà Geleximco, 36 Hoàng Cầu, Phường
Ô Chợ Dừa, Quận Đống Đa, Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu hoạt động nghiệp vụ) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác).

	<u>Từ 1 năm trở xuống</u> VND	<u>Trên 1 năm đến 5 năm</u> VND	<u>Trên 5 năm</u> VND	<u>Cộng</u> VND
Số cuối năm				
Tiền và các khoản tương đương tiền	25.952.017.215	-	-	25.952.017.215
Phải thu khách hàng, phải thu hoạt động nghiệp vụ, phải thu khác	5.210.033.014	181.200.000	-	5.391.233.014
	<u>31.162.050.229</u>	<u>181.200.000</u>	<u>-</u>	<u>31.343.250.229</u>
Số đầu năm				
Tiền và các khoản tương đương tiền	5.430.061.446	-	-	5.430.061.446
Phải thu khách hàng, phải thu hoạt động nghiệp vụ, phải thu khác	3.364.464.417	25.000.000	-	3.389.464.417
	<u>8.794.525.863</u>	<u>25.000.000</u>	<u>-</u>	<u>8.819.525.863</u>

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	<u>Từ 1 năm trở xuống</u> VND	<u>Trên 1 năm đến 5 năm</u> VND	<u>Trên 5 năm</u> VND	<u>Cộng</u> VND
Số cuối năm				
Phải trả người bán, phải trả khác	547.740.338	-	-	547.740.338
Chi phí phải trả	225.012.890	-	-	225.012.890
	<u>772.753.228</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>772.753.228</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN AN BÌNH

Tầng 12, Tòa nhà Geleximco, 36 Hoàng Cầu, Phường
Ô Chợ Dừa, Quận Đống Đa, Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Số đầu năm				
Phải trả người bán, phải trả khác	699.436.041	-	-	699.436.041
Chi phí phải trả	247.846.556	-	-	247.846.556
	<u>947.282.597</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>947.282.597</u>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

32 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

33 . NGHIỆP VỤ VÀ SÓ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan và Công ty như sau:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty Cổ phần Chứng khoán An Bình	Ông Lê Việt Hà - Tổng Giám đốc Công ty là thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Chứng khoán An Bình
Quỹ đầu tư Trái phiếu An Bình	Quỹ mở do Công ty quản lý
Quỹ đầu tư Năng lượng và Hạ tầng An Bình	Quỹ thành viên do Công ty quản lý
Công ty TNHH Tổng Công ty Công nghệ và Giải pháp CMC	Công ty con của Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ CMC do Ông Lê Việt Hà - Tổng Giám đốc Công ty là thành viên HĐQT
Công ty Cổ phần Hạ tầng Viễn thông CMC	Công ty con của Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ CMC do Ông Lê Việt Hà - Tổng Giám đốc Công ty là thành viên HĐQT

Trong năm, Công ty có giao dịch với các bên liên quan như sau:

	<u>Năm 2022</u> VND	<u>Năm 2021</u> VND
Doanh thu hoạt động quản lý Quỹ Đầu tư chứng khoán và công ty Đầu tư chứng khoán	23.512.580.391	22.848.710.267
Quỹ đầu tư Năng lượng và Hạ tầng An Bình	14.689.084.220	14.728.693.776
Quỹ đầu tư Trái phiếu An Bình	8.823.496.171	8.120.016.491
Lãi tiền gửi không kỳ hạn tài khoản chứng khoán	2.553.394	874.853
Công ty Cổ phần Chứng khoán An Bình	2.553.394	874.853
Mua/bán trái phiếu	472.242.749.077	382.715.311.502
Công ty Cổ phần Chứng khoán An Bình	89.057.771.950	123.705.275.888
Quỹ đầu tư Trái phiếu An Bình	383.184.977.127	259.010.035.614
Mua hàng hóa, dịch vụ	4.440.042.447	6.555.027.522
Công ty Cổ phần Chứng khoán An Bình	4.345.693.457	6.440.488.160
Công ty Cổ phần Hạ tầng Viễn thông CMC	33.548.848	22.035.087
Công ty TNHH Tổng Công ty Công nghệ và Giải pháp CMC	60.800.142	92.504.275

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN AN BÌNHTầng 12, Tòa nhà Geleximco, 36 Hoàng Cầu, Phường
Ô Chợ Dừa, Quận Đống Đa, Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc năm tài chính:

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Đầu tư ngắn hạn	2.000.000.000	2.000.000.000
Chứng chỉ Quỹ đầu tư Trái phiếu An Bình	2.000.000.000	2.000.000.000
Phải thu các hoạt động nghiệp vụ	3.761.974.964	1.589.689.262
Quỹ đầu tư Năng lượng và Hạ tầng An Bình	1.245.552.176	1.246.387.441
Quỹ đầu tư Trái phiếu An Bình	2.516.422.788	343.301.821
Phải thu khách hàng	205.025.000	-
Công ty Cổ phần Chứng khoán An Bình	205.025.000	-
Phải trả người bán	-	16.318.182
Công ty Cổ phần Hạ tầng Viễn thông CMC	-	1.877.007
Công ty TNHH Tổng Công ty Công nghệ và Giải pháp CMC	-	14.441.175
Chi phí phải trả	133.601.323	244.546.556
Công ty Cổ phần Chứng khoán An Bình	72.715.800	244.546.556
Công ty Cổ phần Hạ tầng Viễn thông CMC	1.358.341	-
Công ty TNHH Tổng Công ty Công nghệ và Giải pháp CMC	59.527.182	-

Tổng thu nhập, thù lao của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát được hưởng như sau:

<u>Hội đồng quản trị</u>	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Ông Đào Mạnh Vương - Chủ tịch	36.000.000	36.000.000
Ông Lê Việt Hà - Ủy viên	(*)	(*)
Bà Đặng Thị Hồng Phương - Ủy viên	240.000.000	240.000.000

(*) Đã được trình bày ở phần thu nhập của ban Tổng Giám đốc như chi tiết bên dưới.

<u>Ban Tổng Giám Đốc và Ban kiểm soát</u>	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Ban Tổng Giám đốc	6.109.323.810	5.312.511.168
Ban Kiểm soát (Thành lập từ 10/06/2022)	46.900.000	-

34 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu của Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.

Giang

Lê Thị Giang
Người lậpPhùng Thị Minh Thu
Kế toán trưởngLê Việt Hà
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 20 tháng 03 năm 2023

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN AN BÌNH

Tầng 12, Tòa nhà Geleximco, 36 Hoàng Cầu, Phường Ô Chợ Dừa, Quận Đống Đa, Hà Nội;

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

PHỤ LỤC 01: DANH MỤC CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGÂN HẠN

Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán		Tăng so với giá trị trường		Giảm so với giá trị trường		Tổng giá trị thị trường (*)	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
			VND	VND	VND	VND	VND	VND
Chứng khoán niêm yết								
- Trái phiếu GLH121019 ⁽¹⁾	14.521	474.200	66.510.445.084	65.629.813.573	3.873.435	681.701.174	62.240.671.895	66.311.514.747
- Trái phiếu GLH121026 ⁽¹⁾	25	160.000	1.496.938.999	49.049.499.426	1.801.310	358.821.174	1.498.740.309	49.408.320.600
- Trái phiếu MSN120012 ⁽²⁾	8.500	5.507	2.584.177	16.000.000.000	50.830	322.880.000	2.635.007	16.322.880.000
- Trái phiếu MSN120010 ⁽²⁾	250	-	860.736.341	580.314.147	-	-	834.636.267	580.314.147
- Trái phiếu MSN120007 ⁽²⁾	12.905	-	24.692.232	-	76.356	-	24.768.588	-
- Trái phiếu MSN120009 ⁽²⁾	893	-	1.430.971.938	-	-	-	1.280.976.110	-
- Trái phiếu NPM11911 ⁽³⁾	37.478	-	87.049.655	-	1.944.939	-	88.994.594	-
- Trái phiếu KBC121020 ⁽⁴⁾	504.163	-	3.919.555.697	-	-	-	3.541.671.000	-
- Trái phiếu VHM121025 ⁽⁵⁾	58.890	-	52.687.891.877	-	-	-	49.407.974.000	-
- Trái phiếu VHM121025 ⁽⁵⁾	-	-	6.000.024.168	-	-	-	5.560.276.020	-
Chứng khoán chưa niêm yết								
- Trái phiếu VICB2124002	-	100.000	-	10.298.987.684	-	-	-	10.298.987.684
- Trái phiếu VICB2124002	-	-	-	10.298.987.684	-	-	-	10.298.987.684
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn								
- Trái phiếu GELEXIMCOBOND 2018	50	-	50.000.000.000	-	-	-	50.000.000.000	-
- Trái phiếu GELEXIMCOBOND 2018	-	-	50.000.000.000	-	-	-	50.000.000.000	-
Đầu tư ngắn hạn khác								
- Chứng chỉ quỹ đầu tư Trái phiếu An Bình ⁽⁷⁾	200.000	200.000	2.000.000.000	2.000.000.000	308.080.000	149.224.000	2.308.080.000	2.149.224.000
			118.510.445.084	77.928.801.257	311.953.435	830.925.174	114.548.751.895	78.759.736.431

(1) Các trái phiếu niêm yết do Công ty Cổ phần GLEXHOMES phát hành có kỳ hạn 03 năm, trả lãi định kỳ 6 tháng/lần kể từ ngày phát hành;

(2) Các trái phiếu niêm yết do Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan phát hành có kỳ hạn 03 năm, trả lãi định kỳ 6 tháng/lần kể từ ngày phát hành;

(3) Trái phiếu niêm yết do Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo phát hành có kỳ hạn 05 năm, trả lãi 06 tháng/lần;

(4) Trái phiếu niêm yết do Tổng Công ty Phát triển Đô Thị Kinh Bắc - CTCP phát hành có kỳ hạn 02 năm, trả lãi 06 tháng/lần;

(5) Trái phiếu niêm yết của Công ty Cổ phần Vinhomes phát hành có kỳ hạn 05 năm (ngày đáo hạn là ngày 25/11/2026), trả lãi định kỳ 3 tháng/lần kể từ ngày phát hành;

(6) Trái phiếu chưa niêm yết của Tập đoàn Geleximco- Công ty CP phát hành có kỳ hạn 05 năm, trả lãi 01 năm/lần, ngày đáo hạn 13/06/2023;

(7) Chứng chỉ Quỹ do Quỹ Đầu tư Trái phiếu An Bình phát hành với giá trị tài sản ròng trên một đơn vị chứng chỉ Quỹ tại ngày 31/12/2022 là 11.540,40 đồng/chứng chỉ quỹ.

(*) Giá trị thị trường của các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn là trái phiếu niêm yết được xác định theo giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến thời điểm lập báo cáo tài chính năm. Đối với trái phiếu doanh nghiệp đã niêm yết, đăng ký giao dịch, giá trị thị trường là giá giao dịch gần nhất tại Sở Giao dịch chứng khoán trong vòng 10 ngày tính đến thời điểm lập báo cáo tài chính. Đối với chứng chỉ quỹ được xác định giá trị tài sản ròng của quỹ tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

